

Nhiều yếu tố hỗ trợ kéo dài chu kỳ tăng trưởng

Giá Mục tiêu

56.600 Đồng

MUA

Ngày báo cáo: 12/11/2024

Giá CP ngày 12/11/2024: 46.700 đồng

% Tăng giá: 21,2%

NGÀNH: VẬN TẢI

TPPT: Nguyễn Hoàng Giang, CFA

Email: giangnh@ssi.com.vn

SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8703

Chỉ tiêu cơ bản

Vốn hóa (tỷ đồng): 5.685

KLGDTB 3 tháng (CP): 2.545.090

Giá Cao/Thấp nhất 52W: 46,9/29

Tỷ lệ SHNN(%): 10,50%

Tỷ lệ sở hữu NN (%): 0,00%

Biến động giá



3M	YTD	1Y	2Y	
VNIndex	2%	11%	12%	27%
HAH	15%	43%	61%	153%

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

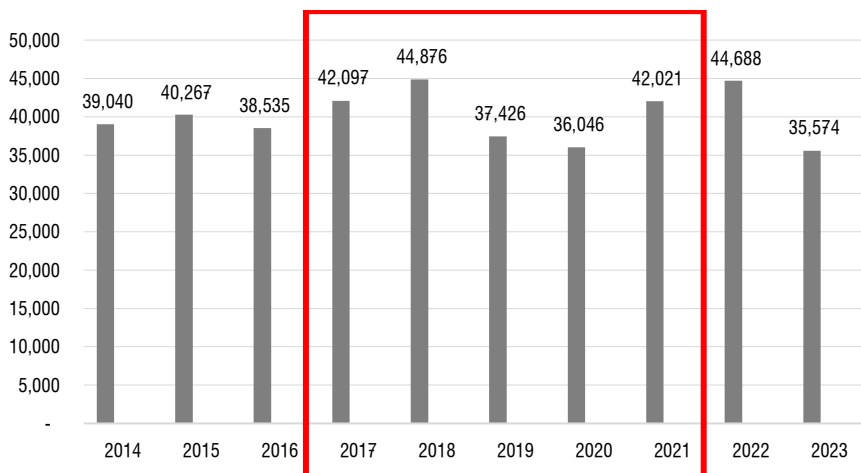
HAH được thành lập năm 2009, là công ty điều hành cảng Hải An tại Hải Phòng. Mạng lưới logistic đã từng bước được mở rộng với 3 nhánh chính: Khai thác cảng, Vận tải và Depot & Logistics. Công ty đặt mục tiêu sở hữu một mạng lưới logistics tích hợp hoàn chỉnh tại Việt Nam. Hiện tại, Hải An chủ yếu hiện diện ở miền Bắc, với cảng Hải An ở Hải Phòng và Depot PAN - HAIAN ở khu vực Đình Vũ ở Hải Phòng. Mục tiêu những năm tới là mở rộng mạng lưới logistics ở miền Trung và miền Nam.

➤ Chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu HAH từ KHẢ QUAN lên **MUA**, với giá định rằng chính sách thuế mới mà Tổng thống Trump đưa ra trong nhiệm kỳ tới có thể khiến nhu cầu vận tải hàng hóa tăng đáng kể trước khi đi vào hiệu lực. Điều này có thể khiến chu kỳ tăng trưởng của ngành vận tải container đạt đỉnh và đảo chiều muộn hơn 1 năm so với dự tính, cụ thể là vào năm 2026, từ đó tác động tích cực đến lợi nhuận năm tới của các doanh nghiệp trong ngành.

➤ Theo đó, trong năm 2025, chúng tôi dự báo LNST thuộc cổ đông công ty mẹ (NPATMI) của HAH sẽ tăng 17% svck, đạt 649 tỷ đồng, với giá cước thuê tàu định hạn và cước giao ngay tăng do nhu cầu vận tải cao hơn trong ngắn hạn. Trong khi đó, với giả định giá cước năm 2026 sẽ giảm đáng kể sau khi đạt đỉnh, tăng trưởng trong năm 2026 có thể sẽ kém khả quan hơn, với NPATMI ước tính giảm khoảng 13% svck. Trong dài hạn, việc tăng công suất đội tàu và mở rộng các tuyến hoạt động sẽ là những yếu tố quan trọng để ổn định đã tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp.

➤ Dựa trên phương pháp chiết khấu dòng tiền, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm mới là **56.600 đồng/cổ phiếu**, với tiềm năng tăng giá +21,2%; từ mức 47.200 đồng/cổ phiếu.

Nhập khẩu hàng hóa của Mỹ từ Trung Quốc trong nhiệm kỳ của Tổng thống Trump (triệu USD)



Nguồn: FRED, SSI Research tổng hợp

Cập nhật KQKD Q3/2024

Tỷ đồng	3Q24	3Q23	YoY	2Q24	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q24	3Q23	2Q24	2023
Doanh thu thuần	1.129	681	66%	949	19%	70%				
Lợi nhuận gộp	392	158	148%	250	57%		34,8%	23,2%	26,3%	23,4%
Lợi nhuận hoạt động	354	148	140%	196	81%		31,4%	21,7%	20,6%	19,1%
EBIT	349	153	129%	195	79%		31,0%	22,4%	20,6%	20,0%
EBITDA	484	225	115%	301	61%		42,9%	33,1%	31,7%	34,0%
LNTT	321	135	139%	172	86%		28,5%	19,8%	18,2%	17,2%
Lợi nhuận ròng	277	113	146%	127	119%		24,5%	16,5%	13,3%	13,7%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	199	106	89%	111	80%	80%	17,7%	15,5%	11,7%	14,7%

Nguồn: HAH, SSI Research

HAH vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất Q3/2024 với lợi nhuận sau thuế tăng mạnh, không chỉ vượt 10% ước tính của chúng tôi, mà còn vượt xa kỳ vọng của thị trường. Những điểm nhấn chính trong KQKD Q3/2024 bao gồm:

- **Doanh thu** đạt 1,12 nghìn tỷ đồng (+65% svck), nhờ (i) mở rộng công suất đội tàu (với 2 tàu 1780-TEU gia nhập đội tàu từ Q1/2024 và 1 tàu 1780-TEU gia nhập thị trường cho thuê từ Q3/2024 với giá thuê là 24 nghìn USD/ngày), và (ii) Giá cước vận tải cao hơn (tăng 7% svck mảng tự khai thác, trong khi các tàu thuê được gia hạn với mức giá thuê ngày cao hơn 40-80% svck). Trong khi đó, sản lượng cảng trong quý 3 tăng trưởng tốt ở mức 9,6% svck, góp phần thúc đẩy mảng cảng và các mảng liên quan (như kho bãi, logistics, v.v.)
- **Lotus Link:** Liên doanh với ZIM (trong đó HAH sở hữu 51%) đã bắt đầu ghi nhận lãi từ Q2/2024, và duy trì đà tăng trưởng trong Q3/2024 với lũy kế lợi nhuận đạt 65 tỷ đồng, so với khoản lỗ khoảng 90 tỷ trong năm 2023. Bên cạnh giá cước vận tải tốt hơn, các điểm đến mới được thêm vào tuyến hải trình cũng đã giúp công ty ghi nhận lãi trong quý này.
- **NPATMI:** Chi phí lãi vay tăng 55% svck, chủ yếu do khoản vay để mua 3 tàu mới. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận ròng cải thiện 24%, nhờ giá cước vận tải tăng, với chi phí cố định (bao gồm chi phí khấu hao và lãi vay) chiếm tỷ trọng cao hơn tương đối so với chi phí biến đổi, khoảng 70-75% cơ cấu chi phí. Theo đó, NPATMI trong Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024 lần lượt đạt 199 tỷ đồng (+86% svck) và 361 tỷ đồng (+12% svck).

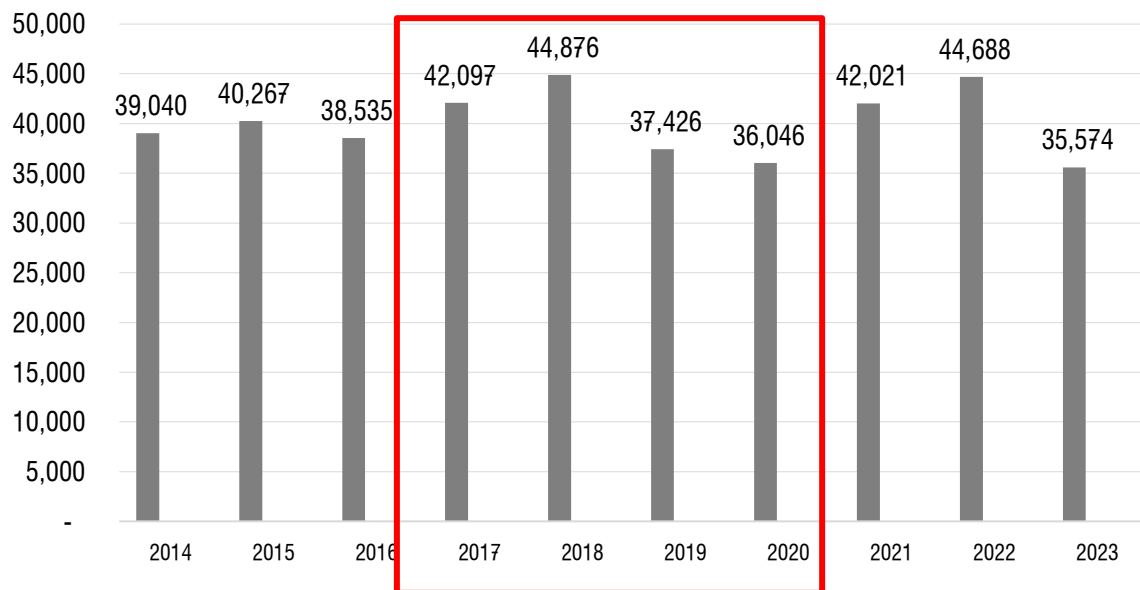
Lũy kế 9 tháng, HAH đã hoàn thành 80% kế hoạch điều chỉnh của công ty và 75% ước tính gần nhất của chúng tôi.

Triển vọng và ước tính

Như đã đề cập trong báo cáo gần đây “Sau bầu cử tại Mỹ - Cơ hội & thách thức cho nền kinh tế Việt Nam”, các đề xuất thuế của Trump có thể ảnh hưởng gián tiếp đến ngành logistics, khiến cho nhu cầu nhập khẩu của Mỹ gia tăng do các công ty đẩy mạnh nhập khẩu các loại hàng hóa trước khi các luật thuế mới có hiệu lực. Cụ thể, các công ty có thể tăng cường nhập khẩu hàng hóa để bảo quản trước khi chính sách thuế mới được áp dụng, thể hiện bởi giá trị nhập khẩu của Mỹ từ Trung Quốc trong giai đoạn 2017-2019 ở bảng dưới. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng cước phí vận tải container đã tăng mạnh hơn 70% trong 11 tháng đầu năm 2018. Nếu như lịch sử được lặp lại, chúng tôi cho rằng năm 2025 sẽ ghi nhận mức tăng đột biến tạm thời trong nhu cầu vận tải và giá cước ngay trước khi áp thuế. Trong giai đoạn 2024-2025, tình hình Biển Đỏ đã làm căng thẳng chuỗi cung ứng toàn cầu (làm giảm 9% công suất vận tải container toàn cầu), do đó chúng tôi cho rằng nếu chuỗi cung ứng chịu thêm áp lực sẽ đẩy giá cước vận tải tăng mạnh hơn. Về phía cung, chúng tôi nhận thấy việc giao tàu mới có thể tăng 5% công suất hoạt động, nhưng vẫn sẽ không đủ cho nhu cầu tăng mạnh trong thời gian ngắn.

Nói cách khác, chúng tôi cho rằng chu kỳ tăng trưởng của ngành vận tải có thể sẽ chưa đạt đỉnh vào năm 2025 như dự báo trước đó, mà đến 2026, từ đó kéo dài triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của các công ty vận tải container.

Nhập khẩu hàng hóa của Mỹ từ Trung Quốc trong nhiệm kỳ của Tổng thống Trump (triệu USD)

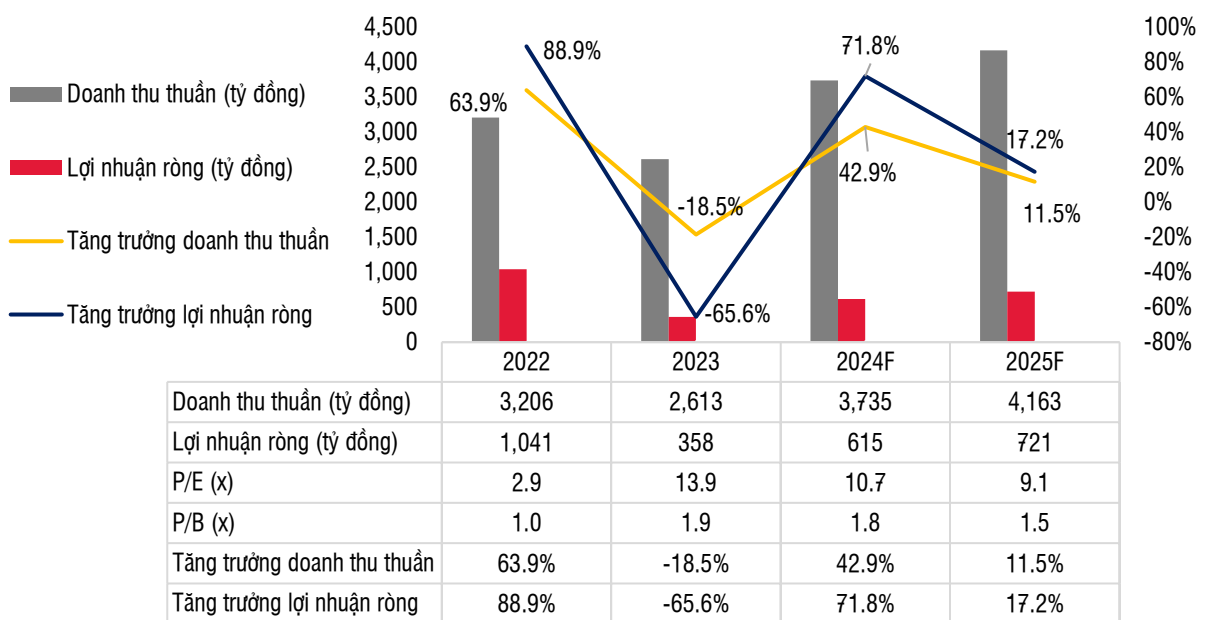


Nguồn: FRED, SSI Research tổng hợp

Về những ảnh hưởng của sự kiện này đến hoạt động kinh doanh của HAH, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận năm 2025 sẽ tốt hơn ước tính trước đó, nhờ được hưởng lợi từ việc gia hạn các hợp đồng thuê ở mức giá tốt hơn, trong khi cước giao ngay cũng sẽ cải thiện khi nhu cầu đặt hàng tăng mạnh trước khi chính sách thuế mới có hiệu lực. Với việc mở rộng công suất hoạt động (từ việc mua 4 tàu mới 1800-TEU và 1 tàu đã qua sử dụng 3500-TEU) sẽ giúp HAH tận dụng được môi trường kinh doanh thuận lợi trong năm 2025. Trong khi đó, triển vọng năm 2026 không mấy khả quan, do diễn biến sản lượng và nhu cầu vận tải có thể đảo chiều và từ đó ảnh hưởng kém tích cực đến giá cước, theo xu hướng chung của thế giới.

Trong dài hạn, việc tăng công suất đội tàu và mở rộng các tuyến hoạt động sẽ là những yếu tố quan trọng để ổn định đà tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Ước tính: Đồng thời đưa vào dự phóng doanh thu ước tính từ tàu Panamax mới và những giả định mới, chúng tôi dự báo doanh thu và NPATMI của HAH trong năm 2024 sẽ lần lượt đạt 3,7 nghìn tỷ đồng (+43% svck) và 554 tỷ đồng (+44% svck), tăng khoảng 18% so với ước tính gần nhất trước đó. Đối với năm 2025, lợi nhuận ước tính sẽ tăng 17% svck, đạt khoảng 650 tỷ đồng đối trong kịch bản cơ sở và có thể đạt mức cao hơn đối ở kịch bản lạc quan. Trong khi đó, chính sách thuế quan mới có thể sẽ bắt đầu ảnh hưởng kém tích cực đến sản lượng và giá cước vận tải từ năm 2026, khiến lợi nhuận của doanh nghiệp có thể giảm 13% svck, xuống 563 tỷ đồng.



Nguồn: HAH, SSI Research

Định giá: Với những cập nhật trong dự phóng cho 2 năm tới, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm (dựa trên mô hình định giá chiết khấu dòng tiền) là 56.600 đồng/cổ phiếu. Với tiềm năng tăng giá 21,2%, chúng tôi nâng khuyến nghị cổ phiếu từ KHẢ QUAN sang **MUA**, do HAH có thể hưởng lợi từ sự cải thiện giá cước vận tải trong năm 2025.

Tóm tắt định giá:

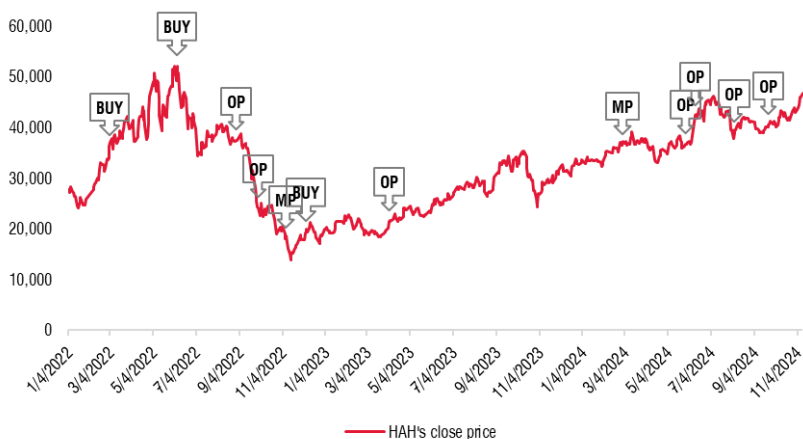
Triệu đồng	2024F	2025F	2026F	Giá trị cuối
EBIT	859.251	1.019.457	895.337	765.951
Tỷ lệ thuế TNDN (%)	18,2%	18,2%	18,2%	18,2%
Cộng: Khấu hao	456.194	566.194	555.346	555.346
Trừ: CAPEX	1.200.000	1.650.000	250.000	250.000
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	343.732	139.717	(53.132)	(83.247)
Dòng tiền thuần của doanh nghiệp	(384.701)	(389.642)	1.090.834	1.015.115
Giá trị cuối				10.492.279
Giá trị hiện tại	(384.701)	(343.395)	860.253	716.345
Giá trị cuối tính về hiện tại				7.404.172
Tổng giá trị doanh nghiệp	9.192.955			
Giá trị vốn chủ sở hữu	6.870.825			
Giá mục tiêu (VND)	56.622			

Nguồn: SSI Research

Quan điểm ngắn hạn: Với mức nền thấp cùng kỳ, NPATMI của quý 4 được kỳ vọng tăng gấp 3 lần, đạt 190 tỷ đồng. Ngoài ra, chúng tôi dự báo giá cổ phiếu trong ngắn hạn sẽ tích cực, nhờ tâm lý tích cực của thị trường đối với triển vọng ngành.

Rủi ro khuyến nghị: Lịch sử có thể sẽ không lặp lại khiến giá cước và sản lượng vận tải không diễn biến theo dự kiến

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	415	245	67	32
+ Đầu tư ngắn hạn	140	73	73	73
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	979	1.005	1.437	1.602
+ Hàng tồn kho	78	97	133	145
+ Tài sản ngắn hạn khác	132	180	256	285
Tổng tài sản ngắn hạn	1.745	1.600	1.965	2.136
+ Các khoản phải thu dài hạn	113	113	162	180
+ GTCL Tài sản cố định	2.744	3.118	3.862	4.945
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	45	30	30	30
+ Đầu tư dài hạn	140	155	155	155
+ Tài sản dài hạn khác	262	342	469	510
Tổng tài sản dài hạn	3.305	3.759	4.677	5.821
Tổng tài sản	5.049	5.359	6.642	7.957
+ Nợ ngắn hạn	910	937	1.282	1.396
Trong đó: vay ngắn hạn	318	394	539	587
+ Nợ dài hạn	1.252	1.251	1.596	2.102
Trong đó: vay dài hạn	1.004	993	1.243	1.718
Tổng nợ phải trả	2.162	2.188	2.878	3.499
+ Vốn góp	703	1.055	1.213	1.213
+ Thặng dư vốn cổ phần	192	192	192	192
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.025	751	1.013	1.506
+ Quý khác	966	1.173	1.346	1.548
Vốn chủ sở hữu	2.887	3.171	3.764	4.459
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	5.049	5.359	6.642	7.957
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.295	536	626	1.093
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.661	-776	-1.200	-1.650
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	299	69	395	523
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-67	-170	-179	-35
Tiền đầu kỳ	485	415	245	67
Tiền cuối kỳ	415	245	67	32
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,92	1,71	1,53	1,53
Hệ số thanh toán nhanh	1,69	1,41	1,23	1,22
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,61	0,34	0,11	0,07
Nợ ròng / EBITDA	0,38	1,15	1,09	1,26
Khả năng thanh toán lãi vay	23,26	7,13	8,04	7,37
Ngày phải thu	26,9	32,6	27,1	30,2
Ngày phải trả	23,3	27,7	24,5	27,2
Ngày tồn kho	13,0	16,0	15,3	17,0
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,59	0,57	0,56
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43	0,41	0,43	0,44
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,75	0,69	0,76	0,78
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,44	0,47	0,52
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,12	0,14	0,13

Nguồn: HAH, SSI dự báo

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	3.206	2.613	3.735	4.163
Giá vốn hàng bán	-1.784	-2.002	-2.739	-2.982
Lợi nhuận gộp	1.422	611	996	1.182
Doanh thu hoạt động tài chính	39	30	24	14
Chi phí tài chính	-76	-84	-108	-140
Thu nhập từ các công ty liên kết	29	15	15	15
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-114	-125	-175	-190
Lợi nhuận từ HĐKD	1.300	447	752	881
Thu nhập khác	-27	3	0	0
Lợi nhuận trước thuế	1.272	450	752	881
Lợi nhuận ròng	1.041	358	615	721
Lợi nhuận chia cho cổ đông	822	385	554	649
Lợi ích của cổ đông thiểu số	219	-27	62	72
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	11.217	3.367	4.382	5.132
Giá trị sổ sách (VND)	32.853	25.218	26.310	31.442
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	0	0
EBIT	1.330	523	859	1.019
EBITDA	1.608	888	1.315	1.586
Tăng trưởng				
Doanh thu	63,9%	-18,5%	42,9%	11,5%
EBITDA	87,4%	-44,8%	48,2%	20,5%
EBIT	91,5%	-60,6%	64,2%	18,6%
Lợi nhuận ròng	89,0%	-65,6%	72,0%	17,1%
Vốn chủ sở hữu	51,8%	9,8%	18,7%	18,5%
Vốn điều lệ	44,2%	50,0%	15,0%	0,0%
Tổng tài sản	56,2%	6,1%	23,9%	19,8%
Định giá				
P/E	2,9	13,9	10,7	9,1
P/B	1,0	1,9	1,8	1,5
Giá/Doanh thu	0,6	1,6	1,5	1,4
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	1,9	7,3	5,5	4,8
EV/Doanh thu	0,9	2,5	1,7	1,5
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	44,4%	23,4%	26,7%	28,4%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	41,7%	19,1%	22,5%	24,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	32,5%	13,7%	16,5%	17,3%
CP bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,5%	4,8%	4,7%	4,6%
ROE	43,5%	11,8%	17,7%	17,5%
ROA	25,1%	6,9%	10,3%	9,9%
ROIC	31,5%	9,5%	13,9%	13,5%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích cao cấp Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Vận tải

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiếu

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6737